

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/DS-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Lê Văn Lil

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 04 năm 2022 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2022, bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2014 bà có chơi dùm ông Trần Văn Đ 01 chung hụi 2.000.000đ do

ông Hai G làm chủ hội. Bà đã hốt hội được 42.500.000đ. Bà đã đưa toàn bộ số tiền này cho ông Trần Văn Đ, ông Đ có ký tên vào tờ biên nhận.

Ông Đ có hứa sẽ đóng hội chết cho ông Hai Giác tuy nhiên sau đó ông Đ không đóng hội chết nên hàng tháng bà phải bỏ tiền ra đóng tiền hội chết cho ông Hai G. Tổng số tiền hội mà bà đã đóng là 63.000.000đ.

Ngày 16/4/2016 ông Trần Văn Đ có viết tờ cam kết với nội dung thừa nhận còn nợ bà số tiền 63.000.000đ và cam kết sẽ trả tiền cho bà. Thời điểm ghi tờ cam kết có ghi tên vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị T nhưng bà T không có ký tên vào tờ cam kết mà chỉ có ông Đ ký tên vào tờ cam kết và ông Đ có hứa sẽ trả tiền cho bà đầy đủ.

Sau đó ông Đ không thực hiện việc trả nợ như cam kết nên năm 2017 bà có khởi kiện ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; Lúc đó bà T có hứa mỗi tháng trả cho bà 5.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng bà T đã trả được 5.000.000đ sau đó thì không trả cho đến nay. Khi trả tiền do Minh là em rể của bà T đem tiền đến trả cho bà và có làm biên nhận. Do vậy bà đã rút yêu cầu khởi kiện vào năm 2017 đối với ông Đ và bà T.

Như vậy, ông Trần Văn Đ còn nợ bà 58.000.000đ. Bà yêu cầu ông Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền 58.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi kể cả giai đoạn thi hành án.

Theo ông Trần Văn Đ trình bày: Trước đây ông có nhờ bà Phan Thị H chơi dùm 01 chung hội 2.000.000đ do ông Hai G làm chủ hội. Sau đó bà H đã hốt hội và đưa tiền cho ông. Tuy nhiên ông không đóng hội chết mà bà H là người đóng toàn bộ tiền hội chết cho ông Hai Giác. Toàn bộ số tiền mà bà H đưa cho ông thì ông sử dụng vào chi phí sinh hoạt gia đình và làm vốn mua tôm giống, cua giống.

Năm 2016 thì ông có ký vào tờ cam kết xác định còn nợ bà Phan Thị H số tiền 63.000.000đ và cam kết sẽ trả số tiền này cho bà H.

Trong thời gian ông chấp hành án hình phạt tù thì vợ ông là bà Nguyễn Thị T có đến thăm ông và ông có hỏi là có trả tiền cho bà H chưa thì vợ ông có nói là đã trả tiền cho bà H rồi. Nhưng thực tế vợ ông có trả tiền cho bà H hay chưa và đã trả số tiền bao nhiêu thì ông không biết.

Đến khi ông chấp hành án xong về nhà thì vợ ông là bà Nguyễn Thị T đã bỏ địa phương đi cho đến nay, hiện nay ông không biết bà T đi đâu và ông cũng không liên lạc được. Năm 2022 ông đã nộp đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T và Tòa án đã giải quyết cho ly hôn.

Nay bà Phan Thị H yêu cầu ông trả số tiền 58.000.000 đồng thì ông đồng ý trả số tiền này cho bà H. Đồng thời ông yêu cầu bà Nguyễn Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ cùng với ông do đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T.

Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 58.000.000 đồng.

Án phí: ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại án phí cho bà Phan Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp đòi tài sản đối với bị đơn ông Trần Văn Đ cư trú tại ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 16/4/20216 ông Trần Văn Đ có ký tên vào “Tờ cam kết” với nội dung ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T còn nợ bà Phan Thị H số tiền 63.000.000 đồng và cam kết thời gian trả số nợ trên là có xảy ra trên thực tế. Bản thân ông Trần Văn Đ cũng thừa nhận năm 2016 ông có ký tên vào tờ cam kết và xác định có nợ bà Phan Thị H số tiền 63.000.000 đồng.

Xét việc bà Phan Thị H yêu cầu ông Trần Văn Đ trả số tiền gốc 58.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào “Tờ cam kết” ngày 16/4/2016 thì ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có nợ bà Phan Thị H 63.000.000 đồng. Bà H xác định bà T đã trả 5.000.000 đồng. Như vậy ông Đ và bà T còn nợ lại bà H số tiền 58.000.000 đồng.

Theo ông Đ xác định khi ông đi chấp hành án thì ông có nghe bà T nói đã trả nợ cho bà Phan Thị H. Ngoài lời trình bày của ông Đ thì ông Đ không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó không có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T đã trả số tiền còn nợ là 63.000.000đ cho bà Phan Thị H. Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn Đ thừa nhận còn nợ tiền bà H và đồng ý trả cho bà Phan Thị H số tiền 58.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên được ghi nhận.

Theo ông Đ trình bày thời điểm bà H đưa tiền cho vợ chồng ông thì ông sử dụng tiền vào chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và vợ ông là bà Nguyễn Thị T cũng có biết; Ông Đ và bà T kết hôn năm 1997 có đăng ký kết hôn. Thời điểm vay mượn tiền của bà Phan Thị H ông Đ và bà T còn chung sống với nhau; đến đầu năm 2022 ông Đ và bà T ly hôn. Do đó cần xác định đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T. Nên cần buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn Đ cùng có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị H số tiền 58.000.000đ.

[3] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.900.000 đồng. Bà Phan Thị H đã dự nộp 1.450.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002220 ngày 13/04/2022 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện DH;
- Cơ quan THA huyện DH;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Ghết